

PREPOSITIONS

- Giới từ thường:

- + Đi trước Danh từ: Chỉ Thời gian, nơi chốn.
- + Đi sau Tính Từ.
- + Đi sau Động Từ
- + Đi sau một số Danh Từ

1. GIỚI TỪ ĐI TRƯỚC DANH TỪ CHỈ THỜI GIAN:

GIỚI TỪ	NGHĨA	TRƯỚC LOẠI DANH TỪ CHỈ THỜI GIAN	VÍ DỤ
AT	LÚC / Ở	GIỜ BUỔI DỊP LỄ CUỐI TUẦN ĐẦU , CUỐI TUỔI	at 4 o'clock, at 5 pm at night/ noon/ midnight at Christmas, at TET at/ on weekends at first /at the beginning of / at last/ at the end of at the age of 18
IN	VÀO, TRONG	- THÁNG - MÙA - NĂM - THẬP KỶ - THẾ KỶ - CÁC BUỔI TRONG NGÀY CÓ "THE"	in August, September, November. in Spring, Winter, ... in 1990 in 1990s in the 21 st century in the morning
ON	VÀO NGÀY	NGÀY NÓI CHUNG NGÀY TRONG THÁNG THỨ TRONG TUẦN	On Christmas day on August 12 th on Sunday, on Sunday mornings
FOR	ĐƯỢC BAO LÂU	MỘT KHOẢNG TG (thường dùng với thì HTHT)	For 2 years / for six months
SINCE	TỪ KHI NÀO	MỘT MỐC TG (thường dùng với thì HTHT)	Since 1990

at night	I don't like going out at night .
at Christmas / at Easter (public holiday periods)	We give each other presents at Christmas .
at the moment / at present	Ms. King is busy at the moment / at present .
at the same time	Ann and I arrived at the same time .
at the age of . . .	Tom left school at the age of 16 / at 16 .
at the beginning of . . .	I'm going away at the beginning of May .
at the end of . . .	At the end of the concert , there was great applause.

109.2 Put in the correct prepositions: **at, on, or in.**

Examples: The concert starts**at**..... 7:45. I learned to drive**in**..... four weeks.

1. The course begins January 7th and ends March 10th.
2. I went to bed midnight and got up 6:30 the next morning.
3. We traveled overnight to Paris and arrived 5:00 the morning.
4. Mozart was born in Salzburg 1756.
5. Are you doing anything special the weekend?
6. Hurry up! We've got to go five minutes.
7. I haven't seen Ann for a few days. I last saw her Tuesday.
8. I'll call you Tuesday morning about 10:00, okay?
9. I might not be home the morning. Can you call the afternoon instead?
10. Tom's grandmother died 1977 the age of 79.
11. I get paid the end of the month.
12. Jack's brother is an engineer, but he's unemployed the moment.
13. The price of electricity is going up October.
14. Sunday afternoons I usually go for a walk in the park.
15. There are usually a lot of parties New Year's Eve.
16. I like walking around town night. It's always so peaceful.
17. Tom doesn't see his parents very often these days – usually only Christmas and sometimes the summer for a few days.
18. the end of a course, the students usually have a party.
19. I've been invited to a wedding February 14.
20. I'm just going out to do some shopping. I'll be back half an hour.
21. Ann works hard during the week, so she likes to relax weekends.
22. It was a short book and easy to read. I read it a day.
23. Carol got married 17, which is rather young to get married.
24. Would you like to go to the movies Friday night?
25. The telephone rang and the doorbell rang the same time.
26. Mary and Henry always go out for dinner their wedding anniversary.
27. Mr. Davis is 63. He'll be retiring from his job two years' time.

2. GIỚI TỪ ĐI TRƯỚC DANH TỪ CHỈ NƠI CHỖN: Cho ta biết sự việc diễn ra ở đâu.

GIỚI TỪ	NGHĨA	TRƯỚC LOẠI DANH TỪ CHỈ NƠI CHỖN	VÍ DỤ
AT	Ở TẠI ĐỊA ĐIỂM	- NHÀ, TRƯỜNG, CƠ QUAN - NƠI NÀO ĐÓ ĐANG HOẠT ĐỘNG.	at home/ school/university/ work at the CINEMA / at the airport / at the meeting (tại cuộc họp) / AT THE station
IN	Ở TRONG (1 người / vật nằm gọn trong 1 vật khác)	- phòng / phòng học - Làng / xã / huyện / Tỉnh / thành Phố / miền / Quốc gia/ phương hướng/ Châu Lục/ Thế Giới - Sách / báo / Truyện / tranh - mưa / nắng / các dạng thời tiết / thiên tai	in the living room / in the kitchen in London / in Hanoi / in France / in the east / in Africa / in the world in the newspaper / in a book / in a story / in a picture in the rain/ in the sun / ...
ON	Ở TRÊN (1	- bàn / Kệ / ghế/ lầu	on the table / on the 1 st floor (trên

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

	người/vật ở trên 1 vật khác có tiếp xúc, hoặc đính vào)	- bức tường - cơ thể người	lầu 1) on the wall on my head / on foot
--	--	-------------------------------	---

MỘT SỐ THÀNH NGỮ GIỚI TỪ CẦN NHỚ KHÁC:

at once : lúc này at sunset/ sunrise : lúc mặt trời lặn / mọc at the moment : lúc này at present : lúc này at the same time : cùng 1 lúc	In time: kịp giờ. In advance : trước (về tg) In front of : ở trước(về vị trí) in English/ German: bằng tiếng anh. in love with: đang yêu in the end:(cuối cùng) in favour of : thích	On time : đúng giờ(chính xác) On holiday : đang đi nghỉ On business : đang đi công tác On fire : đang cháy On a diet : đang ăn kiêng On TV : trên truyền hình on the whole : nhìn chung on the left/ right : bên trái / phải
By the time : trước khi By chance : tình cờ Learn by heart: học thuộc lòng By taxi / train/ bicycle	for example/ instance: ví dụ như for lunch/ ... : cho bữa trưa...	

In



in a room
in a building
in a box



in a garden
in a town/country
in the city centre



in a pool
in the sea
in a river

- There's no-one in the room / in the building / in the garden.
- What have you got in your hand / in your mouth?
- When we were in Italy, we spent a few days in Venice.
- I have a friend who lives in a small village in the mountains.
- There were some people swimming in the pool / in the sea / in the river.

At



at the bus stop
at the door
at the window



at the roundabout



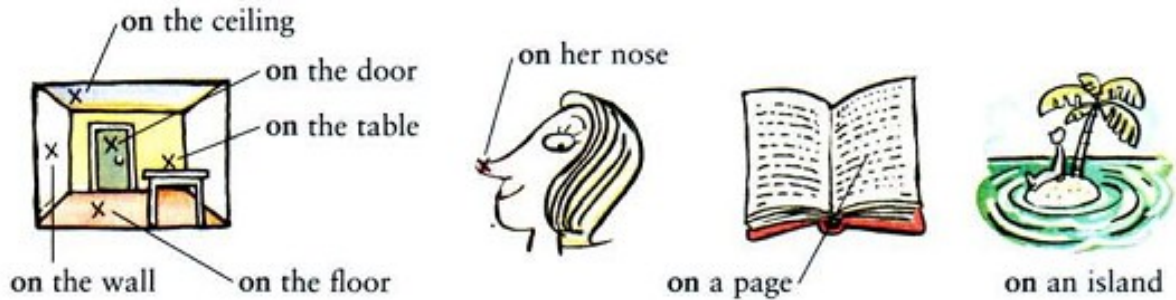
at reception

- Do you know that man standing at the door / at the window?
- Turn left at the traffic lights / at the church / at the roundabout.
- We have to get off the bus at the next stop.
- When you leave the hotel, please leave your key at reception. (= at the reception desk)

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

On



- I sat **on the floor** / **on the ground** / **on the grass** / **on the beach** / **on a chair**.
- There's a dirty mark **on the wall** / **on the ceiling** / **on your nose** / **on your shirt**.
- Have you seen the notice **on the notice board** / **on the door**?
- You'll find details of TV programmes **on page seven** (of the newspaper).
- The hotel is **on a small island** in the middle of the lake.

123.2 Complete the sentences. Use in, at or on + the following:

the window	your coffee	the mountains	that tree
my guitar	the river	the island	the next garage

- 1 Look at those people swimming in the river.
- 2 One of the strings is broken.
- 3 There's something wrong with the car. We'd better stop
- 4 Would you like sugar
- 5 The leaves are a beautiful colour.
- 6 Last year we had a wonderful skiing holiday
- 7 There's nobody living It's uninhabited.
- 8 He spends most of the day sitting and looking outside.

123.3 Complete the sentences with in, at or on.

- 1 There was a long queue of people at the bus stop.
- 2 Nicola was wearing a silver ring her little finger.
- 3 There was an accident the crossroads this morning.
- 4 I wasn't sure whether I had come to the right office. There was no name the door.
- 5 There are some beautiful trees the park.
- 6 You'll find the sports results the back page of the newspaper.
- 7 I wouldn't like an office job. I couldn't spend the whole day sitting a desk.
- 8 My brother lives a small village the south-west of England.
- 9 The man the police are looking for has a scar his right cheek.
- 10 The headquarters of the company are Milan.
- 11 I like that picture hanging the wall the kitchen.
- 12 If you come here by bus, get off the stop after the traffic lights.

3. GIỚI TỪ ĐI SAU TÍNH TỪ:

S	+	BE	+	ADJ	+	PREPOSITIONS
---	---	----	---	-----	---	--------------

1. OF:

- ashamed of: xấu hổ về
- afraid of: sợ, e ngại

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

- full of: đầy
 - aware of: nhận thức
 - capable of: có khả năng
 - confident of :tin tưởng
 - fond of: thích
- 2. TO:**
- accustomed to = be used to: quen với
 - next to = close to : kế bên
 - open to: mở
 - pleasant to: hài lòng
 - contrary to: trái lại, đối lập
 - equal to: tương đương với, bằng
 - rude to: thô lỗ, cộc cằn
 - similar to: giống, tương tự
- 3. FOR:**
- sorry for: xin lỗi
 - late for: trễ
 - famous for: nổi tiếng
 - necessary for: cần thiết
 - ready for smt: sẵn sàng cho việc gì
 - qualified for: có phẩm chất
 - good for: tốt cho
 - responsible for smt: chịu trách nhiệm về việc gì
- 4. AT:**
- good at: giỏi (về....)
 - excellent at: xuất sắc về
 - bad at: dở(về.....)
 - clever at: khéo léo, thông minh về
 - skilful at: khéo léo, có kỹ năng về
 - quick at: nhanh
 - amazed at: ngạc nhiên
 - present at: hiện diện
 - surprised at: ngạc nhiên
- 5. WITH:**
- busy with: bận
 - familiar with: quen thuộc
 - crowded with: đông đúc
 - angry with: giận dữ
 - friendly with: thân mật
 - bored with: chán
 - fed up with: chán/ ngán ngẩm
- 6. ABOUT:**
- excited about: hào hứng
 - happy about: vui, hạnh phúc
 - sad about: buồn
 - worried about: lo lắng
- 7. IN:**
- interested in: thích, quan tâm về....
 - rich in: giàu về.....
 - successful in: thành công về....

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

8. FROM:

- absent from: vắng mặt (khỏi.....)

- different from: khác

9. ON: - keen on: hăng hái về.....

131.3 Put in the correct preposition.

- 1 The letter I wrote was full of mistakes.
- 2 My home town is not an especially interesting place. It's not famous anything.
- 3 Kate is very fond her younger brother.
- 4 I don't like going up ladders. I'm scared heights.
- 5 You look bored. You don't seem interested what I'm saying.
- 6 Did you know that Liz is engaged a friend of mine?
- 7 I'm not ashamed what I did. In fact I'm quite proud it.
- 8 I suggested that we should all go out for a meal, but nobody else was keen the idea.
- 9 These days everybody is aware the dangers of smoking.
- 10 The station platform was crowded people waiting for the train.
- 11 Sue is much more successful than I am. Sometimes I feel a bit jealous her.
- 12 I'm tired doing the same thing every day. I need a change.
- 13 Do you know anyone who might be interested buying an old car?
- 14 We've got plenty to eat. The fridge is full food.
- 15 She is a very honest person. I don't think she is capable telling a lie.
- 16 Helen works hard and she's extremely good her job.
- 17 I'm not surprised he changed his mind at the last moment. That's typical him.
- 18 Mark has no money of his own. He's totally dependent his parents.
- 19 We're short staff in our office at the moment. We need more people to do the work.

Exercise 1 – Put in one of the following : AT, ON, IN, DURING, FOR, SINCE, BY, UNTIL.

1. Jack has gone away. He'll back a week.
2. We're having a party Saturday. Can you come ?
3. I've got an interview next week. It's 9.30 Tuesday morning.
4. Sue isn't usually here weekends. She goes away.
5. The train service is very good. The trains are nearly always time.
6. It was a confusing situation. Many things were happening the same time.
7. I couldn't decide whether or not to buy the sweater. the end I decided to leave it.
8. The road is busy all the time, even night.
9. I met a lot of nice people my stay in New York.
10. I saw Helen Friday, but I haven't seen her then.
11. Brian has been doing the same job five years.
12. Lisa's birthday is the end of March. I'm not sure exactly which day it is.
13. We have some friends staying with us the moment. They're staying Friday.
14. If you're interested in applying for the job, your application must be received Friday.
15. I'm just going out. I won't be long – I'll be back ten minutes.

Exercise 2 – Fill in each gap with a proper preposition

1. Alice is afraid crossing the busy streets.
2. My sister was proud her good marks on English.
3. That singer has become very popular the youth.
4. This sweater will keep you safe the cold.

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

5. He feels confident passing the examination.
6. Be confident yourself if you want to succeed.
7. My parents are pleased my result.
8. Are you amazed seeing that scene ?
9. His words are contrary his acts.
10. Hue is famous its historical vestiges.
11. My mother is always busy her housework.
12. He was absent work yesterday because he was ill.
13. His job seems similar yours, isn't it ?
14. Are you excited going on holiday next week ?
15. Please wait here. I'll have some tickets available you.
16. It's very kind you to help them.
17. Thank you. You are very kind me.
18. The teacher is angry your laziness.
19. I'm angry you not obeying me.
20. They were happy the result of the election.

4. GIỚI TỪ ĐI SAU ĐỘNG TỪ:

A: Verb + preposition: (1)

S + Verb + Preposition + ...

Verb + preposition	Meaning
1. Agree <u>with</u> sb <u>about</u> sth / on sth	Đồng ý với ai về
2. Apologize <u>to</u> sb <u>for</u> doing sth	Xin lỗi ai về việc gì
3. Appeal <u>to</u> sb	Mời gọi ai
4. Apply <u>for</u> st Apply to someone	Nộp đơn xin Nộp đơn cho ai
5. Approve <u>of</u> sb/sth	Ủng hộ
6. Argue <u>with</u> sb <u>about</u> sth	Tranh luận với ai về.
7. arrive <u>in</u> + Thành phố, quốc gia arrive <u>at</u> + Nơi nhôu hôn (airport/ station)	Néán: arrive <u>in</u> London/ in Britain arrive at school/ the party/ the hotel
8. Believe <u>in</u> sb/ sth	Tin vào..
9. Combine <u>with</u> sth	Kết hợpvới
10. Complain <u>to</u> sb <u>about</u> sth	Phàn nàn với ai về..
11. concentrate <u>on</u>	Tập trung vào
12. depend <u>on</u>	Tùy thuộc vào
13. Die <u>of</u>	chết vì bệnh...
14. die <u>from</u>	Chết vì nguyên nhân khác
15. differ <u>from</u>	Khác biệt với
16. Fight <u>for</u> = struggle <u>for</u> sb/ sth Fight = struggle <u>against</u> (illiteracy...)	đấu tranh vì đấu tranh chống cái xấu
17. Glance <u>at</u> sb	liếc nhìn
18. graduate <u>from</u>	Tốt nghiệp từ trường nào

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh
Prepositions

19. hear from sb	coù tin töùccuûa ai
20. infer from	suy ra từ
21. Insist on sth	naøi naø, khaêng khaêng
22. introduce to sb	giới thiệu với ai
23. laugh at someone/ smile at sb	Cồøi nhaïo..
24. leave for + Place leave + Place	Rôøi nôï ñang ôû ñeã ñi nôï mới Rôøi khoûi nôï ñang ôû (không ñể cập nơi mới)
25. Listen to sb/sth	nghe
26. Live on (food/money)	soáng baèng, nhôø vaøo...
27. Look after sb/sth	chăm sóc, troàng nom
28. Look for sb/sth	tìm kieám
29. Look forward to sb/sth	mong chồø
30. Participate in sth = take part in	Tham gia
31. point at someone/	Chæ... vaøo../chóavaøo..
32. Prepare for	Chuaån bò
33. refer to sb/sth	Aùm chæ
34. rely on	Tin caäy, nhôø caäy
35. suffer from	Khoả sôû, chòu
36. seek for/ search for / look for	Tìm kieám
37. speak to sb speak up	Noûi chuyeãn vôùi.. nói lớn hơn
38. spend on something	tiêu xaøi vaøo vieäc gì
39. talk about (of)	Baøñ veà..
40. stand for	Tồõng troàng cho
41. stare at someone/st	Nhìn chæm vaøo...
42. succeed in	Thaønh công
43. throw st at someone/ st	choïi ... vaøo..
44. wait for sb	Chồø..
45. write to someone	Vieát thồgôùi..

C: Verb + Object + preposition (2)

Verb + Object Preposition	Meaning
1. Accuse sb of sth	Caùo buoã cai veà...
2. Ask sb for sth	Hoûi ai xin..
3. Borrow sth from sb	Mồõn... töø..
4. Congratulate sb on st/doing sth	Chuèc möng... veà..
5. Explain sth to sb	Giaûi thích.. cho..
6. Give sth to sb/ Givesb sth	Cho ... ñeã tay..
46. Invite sb to	Môøi .. ñeãn..
7. Prevent sb from doing sth	Ngaên caûn.. khoûi..
8. Protect sb from/ against	Baùo veã.. khoûi..

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

9. Provide sb with sth	Cung cấp...về..
10. regard/ considersb as	Xem ai nhờ làø
11. Remind sb about sth	Nhắc nhôu...về...
12. receive / get st from sb	Nhận ...từ...
13. thank sb for st	Cảm ơn ai về
14. Warn sb about/ against sth	Cảnh báo... về...

5. GIỚI TỪ ĐI SAU DANH TỪ:

D. Noun + preposition

1. Answer **to** st, : câu trả lời cho
2. Apology **to** sb : lời xin lỗi
3. Reply **to**, solution **to**, : lời đáp/ giải pháp đối với
4. Attitude **towards** sb/ sth : thái độ đối với
5. Cause, example, picture, photograph **of** : nguyên nhân/ vì dụ / bức tranh / tấm hình của
6. Increase **in**, rise **in** / decrease **in**, fall **in** : sự gia tăng / sự suy giảm về
7. Difficulty **in** doing sth : sự khó khăn về
8. Reason **for** sth : lý do cho
9. Developments **in** : sự phát triển về
10. effect on : sự ảnh hưởng lên...
11. Impression **on** sb : sự ấn tượng đối với
12. Threat **of** : sự đe dọa của
13. cure **for** : phương thuốc dành cho

Exercise 3 – Fill in each of the blanks with an appropriate preposition if necessary.

1. You're always asking me money. Ask somebody else for a change.
2. I've applied a job at the factory. I don't know if I'll get it.
3. If I want a job at the factory, who do I apply?
4. I've searched everywhere John but I haven't been able to find him.
5. I don't want to talk what happened last night. Let's forget it.
6. I don't want to discuss ... what happened last night. Let's forget it.
7. We had an interesting discussion the problem but we didn't reach a decision.
8. Keith and Sonia are touring Europe. They're in Rome at the moment, but tomorrow they leave Venice.
9. The roof of the house is in very bad condition. I think we ought to do something it.
10. We waited him for half an hour but he never came.

Exercise 4 – Choose the best option.

1. He will come Monday the afternoon.
A. in/on B. on/in C. at/in D. up/to
2. We have stayed there 2000.
A. since B. for C. with D. under
3. Will he be there one month?
A. out B. with C. for D. near
4. What does he often do his free time?
A. in B. up C. with D. upto
5. I am sad my daughter's laziness.
A. from B. at C. for D. about
6. The children are free Sundays.

Hệ Thống Kiến Thức Ngữ Pháp và Cấu Trúc Tiếng Anh

Prepositions

- A. on B. up C. with D. under
7. Việt is not interested listening to music.
A. with B. under C. in D. up
8. Her profession is similar his.
A. in B. up C. with D. to
9. Ms. Trang is fond candy.
A. under B. off C. of D. in
10. Were you absent the lecture yesterday?
A. in B. with C. up D. from
11. We must hurry if we do not want to be late school.
A. from B. for C. to D. out
12. Will the raincoat keep you safe the cold?
A. to B. up C. with D. from
13. last you have to make a conclusion.
A. in B. up C. from D. at
14. Have you left your bicycle leaning the tree?
A. in B. up C. to D. under
15. Do you have to live Hanoi in autumn every year?
A. in B. up C. with D. under
16. They have lived in this city twenty years of their life.
A. at B. during C. since D. for
17. I am walking the river bank.
A. within B. without C. along D. in
18. For the last few days I haven't been able to sleep night.
A. for B. to C. of D. at
19. Are you acquainted the lady?
A. at B. in C. on D. with
20. We will leave Russia.
A. for B. to C. of D. at
21. It never snows here Christmas.
A. for B. to C. of D. at
22. He always comes here bicycle.
A. in B. by C. over D. with
23. - A: "Can you lend me your notebook Friday?"
- B. " Sorry, I can't. I'll have to finish my report the end of the week"
A. on/at B. on/in C. in/at D. in/in
24. We'll have to hurry if we want to be time for the show.
A. on B. in C. at D. for
25. Why are you so rude your sisters ? Can't you be nice them ?

1. Most college football games are played _____ Saturdays.
A. at B. in C. with D. on
2. Leaves turn color _____ the autumn.
A. for B. on C. at D. in
3. My birthday is..... November 20th.
a. in b. at c. during d. on
4. Her house is far.....the school.
a. on b. of c. from d. for
8. The leaves of these trees always drop.....autumn.

HỆ THỐNG KIẾN THỨC NGỮ PHÁP VÀ CẤU TRÚC TIẾNG ANH

Prepositions

- a. in b. during c. about d. on
9. In England people drivethe left side of the road.
a. in b. from c. to d. on
10. Tom's grandfather died.....1997.....the age of 79.
a. in/in b. in/of c. in/at d. in/on
11. The result was quite different___what I expected.
a. with b. at c. to d. from
15. He is bored ___ doing the same job for too long.
a. at b. with c. of d. from
17. It happened___7:00 ___the evening.
a. in /at b. to / in c. at / to d. at/ in
18. My brother was very good___physics.
a. with b. at c. in d. on
20. We might have a picnic . It depends ___the weather.
a. in b. at c. to d. on
3. ___ the whole, I enjoy the movie.
A. On B. In C. At D. Up
4. She'll come home ___ April.
A. on B. in C. at D. for
5. Minh was born___ Ho Chi Minh city.
A. on B. at C. in D. up
6. When we arrived _____ the station, the last train had just gone.
A. in B. at C. for D. from
7. Blue grass music is somewhat different ___ other types of country music
A. to B. from C. with D. upon
8. We are here to provide you _____ the best service possible.
A. of B. with C. to D. for
9. Nowadays, most of young people are involved _____ learning English.
A. of B. with C. along D. in
10. Are you interested _____ learning English?
A. of B. with C. along D. in
11. I'm so happy to hear from Mary because I haven't seen her _____ last year.
A. for B. on C. since D. A and B
12. He is very successful _____ his job.
A. for B. with C. in D. of
13. When Mr. Pike was young, he was keen _____ playing football.
A. of B. on C. at D. in
14. Mary is the most beautiful girl _____ the three sisters.
A. in B. of C. with D. on
15. I will be responsible _____ what I do.
A. with B. for C. from D. on
16. You cannot do well two jobs _____ same time.
A. in B. at C. on D. for
17. I'm not good _____ English. I think I should spend more time _____ it.
A. in / at B. at / on C. at / in D. on / at
18. An apple stands _____ the New York State.
A. for B. on C. up D. at
19. Catherine became accustomed _____ spicy foods when she was traveling.
A. to B. on C. for D. about
20. Washington state is famous _____ its apples.
A. in B. for C. of D. with

HỆ THỐNG KIẾN THỨC NGỮ PHÁP VÀ CẤU TRÚC TIẾNG ANH

Prepositions

21. Were you aware _____ the regulations against smoking in this area?
A. in B. with C. of D. about
22. William insists _____ getting up early, even on weekends.
A. on B. to C. toward D. for
23. Please come here _____ once.
A. on B. in C. at D. for
24. Teacher, are we expected to learn all the new words _____ heart?
A. in B. at C. by D. to
25. She always takes good care _____ her children.
A. for B. in C. of D. with
26. All of us are fond _____ listening to music.
A. in B. about C. of D. with
27. I'd rather go to the football field instead _____ being in class today.
A. in B. to C. of D. at
28. Scientists are searching _____ some other kinds of energy.
A. at B. about C. in D. for
29. Motor vehicles account _____ 75% of air pollution in the major cities.
A. of B. in C. on D. for
- She is always borrowing money _____ me.
A. from B. to C. of D. in
27. they wasted valuable time searching _____ the car key.
a. in b. with c. for d. to
28. Tom succeeded _____ persuading his boss to buy a computer.
a. of b. in c. on d. with
29. They are now in Paris , they will leave _____ London next week.
a. to b. of c. for d. on
30. Fred is looking forward to hearing _____ his brother.
a. to b. from c. in d. off
33. Many people regard him.....one of the greatest pianist in the world.
A.as B. with C.at D. about
34. Everyone will laughher.
A from. B.to C. for D. at
36. Who takes care.....the children when you are at work.?
A.at B.to C. for D. of
- 30.
31. I haven't gone there _____ ages.
A. with B. in C. for D. of
32. Most college football games are played _____ Saturdays.
A. at B. in C. with D. on
33. Leaves turn color _____ the autumn.
A. for B. on C. at D. in
34. Minh was born _____ Ho Chi Minh city.
A. on B. at C. in D. up
35. Mai graduated _____ the University of Education.
A. from B. at C. in D. for
36. English is spoken in many countries all _____ the world.
A. in B. over C. at D. from
37. _____ many areas of the world, wars have made lives more miserable.
A. on B. from C. in D. at
38. When we arrived _____ the station, the last train had just gone.
A. in B. at C. for D. from

